

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

Số: 2207/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hung Yên, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379 và chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tưởng niệm đồng chí Tô Hiệu và đồng chí Lê Văn Lương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 1266/QĐ-UBND ngày 05/5/2017; số 2587/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; số 1778/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Dự án cải tạo, nâng cấp ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379 và chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tưởng niệm đồng chí Tô Hiệu và đồng chí Lê Văn Lương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1745/TTr-SGTVT ngày 27/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379 và chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tưởng niệm đồng chí Tô Hiệu và đồng chí Lê Văn Lương với nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379 và chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tưởng niệm đồng chí Tô Hiệu và đồng chí Lê Văn Lương.

2. Thuộc dự án: Cải tạo, nâng cấp ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379 và chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu tưởng niệm đồng chí Tô Hiệu và đồng chí Lê Văn Lương.

3. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải.

4. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III.

5. Địa điểm xây dựng: Huyện Văn Lâm, Văn Giang - tỉnh Hưng Yên.

6. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Sao Khuê.

7. Chủ nhiệm đồ án: Kỹ sư Nguyễn Mạnh Phong.

8. Quy mô, giải pháp thiết kế công trình.

8.1. Quy mô phần đường:

a) Tuyến đường ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379: Điểm đầu từ Km0+000 giao với QL.5, điểm cuối tại Km6+069 nút giao ĐT.379; chiều dài tuyến $L = 5.353$ m (không bao gồm cầu Nghĩa Trụ đoạn từ Km0+505 đến Km0+580 và cầu vượt đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đoạn từ Km3+600 đến Km4+240):

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+505 (đầu cầu Nghĩa Trụ): Đường cấp IV đồng bằng:

+ Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 40$ km/h;

+ Tải trọng trục thiết kế 10T;

+ Moduyn đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} = 120$ Mpa.

- Đoạn từ Km0+580-Km0+861: Giữ nguyên theo hiện trạng.

- Đoạn từ Km0+861-Km1+112,85: Thảm BTN trên mặt đường cũ.

- Đoạn từ Km1+112,85 đến Km6+069: Đường cấp III đồng bằng.

+ Tốc độ thiết kế: $V_{tk} = 60$ km/h;

+ Tải trọng trục thiết kế 10T;

+ Moduyn đàn hồi yêu cầu: $E_{yc} = 140$ Mpa.

b) Đường trục trung tâm xã Nghĩa Trụ và đường từ đường trục trung tâm xã đến Trường tiểu học Tô Hiệu:

Đoạn trục trung tâm xã Nghĩa Trụ, điểm đầu Km0+000 giao với đường Quy hoạch vành đai 3,5 - Vùng Thủ đô Hà Nội, điểm cuối Km1+712 giao với đường thôn 13, thôn 14; đoạn từ đường trục trung tâm xã đến Trường tiểu học Tô Hiệu, điểm đầu Km0+000 giao với đường trục trung tâm xã Nghĩa Trụ, điểm cuối Km0+176.71 giao với đường trục trước Trường tiểu học Tô Hiệu:

- Tốc độ thiết kế $V_{TK} = 30$ km/h;

- Tải trọng trục thiết kế 6T;

- Mặt đường bê tông xi măng;

8.2. Quy mô phân cầu: Thiết kế cầu Như Lân tại Km4+394 và cầu Lại Ốc tại Km5+458.

- Cầu xây dựng bằng BTCT, dầm bản BTCT DUL;

- Chiều dài cầu (bao gồm cả đuôi móng): $L_{tc}=20,5m$;

- Bề rộng cầu $B_{tc} = 12,0 m$ (trong đó phần xe chạy rộng $11,0 m$; lan can $0,5 m \times 2 = 1,0 m$);

- Tải trọng thiết kế HL93.

8.3. Chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu.

8.3.1. Bình đồ tuyến: Trên cơ sở bám sát địa hình, tận dụng tối đa nền, mặt đường cũ, hạn chế giải phóng mặt bằng.

Tuyến ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379: Điểm đầu tại Km0+000 tại nút giao với QL.5, điểm cuối tại Km6+069 giao với ĐT.379. Tuyến trục trung tâm xã Nghĩa Trụ, điểm đầu Km0+000 giao với đường Quy hoạch vành đai 3,5 - Vùng Thủ đô Hà Nội, điểm cuối Km 1+712 giao với đường thôn 13, thôn 14; tuyến đường trục trung tâm xã đến Trường tiểu học Tô Hiệu, điểm đầu Km0+000 giao với đường trục trung tâm xã Nghĩa Trụ, điểm cuối Km 0+176.71 giao với đường trục trước Trường tiểu học Tô Hiệu

8.3.2. Trắc dọc: Trắc dọc được thiết kế trên nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa các yếu tố đường cong nằm và các yếu tố đường cong đứng phù hợp với các công trình trên tuyến, đảm bảo êm thuận và giảm thiểu khối lượng đào đắp cũng như khối lượng các công trình phụ trợ khác, tránh tốn quá cao trước cửa nhà dân.

8.3.3. Trắc ngang.

a) Tuyến ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379:

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+505 (đầu cầu Nghĩa Trụ):

+ Chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 7,0 m$, độ dốc ngang $i = 2 \%$;

+ Chiều rộng lề đường: $B_{lề} = 1,0 \times 2 = 2 m$, độ dốc ngang $i = 4 \%$;

+ Chiều rộng nền đường $B_{nền} = 9,0m$ đắp bao bằng đất, taluy đắp 1:1,5.

- Đoạn từ Km0+580 (đầu cầu Nghĩa Trụ) đến Km1+112,85; Đoạn từ Km3+600 đến Km4+240 (đường dẫn và cầu vượt Hà Nội - Hải Phòng): Giữ nguyên theo hiện trạng mặt cắt ngang đường cũ.

- Đoạn từ Km1+112,85 đến Km3+600 và đoạn từ Km4+240 đến Km6+069:

+ Chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 11,0 m$, độ dốc ngang $i = 2 \%$;

+ Chiều rộng lề đường: $B_{lề} = 0,5 \times 2 = 1 m$, độ dốc ngang $i = 4 \%$;

+ Chiều rộng nền đường $B_{nền} = 12m$ đắp bao bằng đất, taluy đắp 1:1,5.

b) Đường trục trung tâm xã (phần mở rộng về bên phải):

- Chiều rộng mặt đường $B_{mặt} = 5 m$; độ dốc ngang một mái $i_{mặt} = 2 \%$;

- Chiều rộng dải phân cách giữa rộng: $B_{\text{phân cách}} = 2\text{m}$;
- Chiều rộng lề đất bên phải $B_{\text{lề đất}} = 0,5 \times 1 = 0,5\text{m}$, độ dốc ngang $i_{\text{lề}} = 4\%$;
- Chiều rộng nền đường mở rộng $B_{\text{nền}} = 7,5\text{m}$, mái taluy đắp đất 1:1,5.

c) Đoạn nối vào Trường tiểu học Tô Hiệu:

- Chiều rộng mặt đường $B_{\text{mặt}} = 5\text{ m}$, độ dốc ngang 2 mái $i_{\text{mặt}} = 2\%$;
- Chiều rộng lề đất $B_{\text{lề đất}} = 0,5 \times 2 = 1,0\text{ m}$, độ dốc ngang $i_{\text{lề}} = 4\%$;
- Chiều rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 6,0\text{ m}$, mái taluy đắp đất 1:1,5.

8.3.4. Kết cấu mặt đường (theo thứ tự từ trên xuống).

8.3.4.1. Tuyến đường huyện 17 kéo dài đến ĐT.379.

a) Trên mặt đường cũ:

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+505:
 - + Lớp bê tông nhựa BTNC 19, dày 7 cm;
 - + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
 - + Bù vênh mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại I.
- Đoạn từ Km0+580 đến Km0+861: Giữ nguyên theo hiện trạng mặt đường cũ.
- Đoạn từ Km0+861 đến Km1+112,85:
 - + Lớp BTNC 19 dày 7cm;
 - + Tưới dính bám bằng nhũ tương Axít tiêu chuẩn 0,5 kg/m²;
 - + Bù vênh bằng BTNC19.
- Đoạn từ Km4+240 đến Km4+667; Km5+940 đến Km6+069:
 - + Lớp bê tông nhựa BTNC 19, dày 7 cm;
 - + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
 - + Móng cấp phối đá dăm loại I dày 18 cm;
 - + Bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I.

b) Trên mặt đường làm mới và mở rộng:

- Đoạn từ Km0+000 đến Km0+505:
 - + Lớp bê tông nhựa BTNC 19, dày 7 cm;
 - + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
 - + Móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 15 cm;
 - + Móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 18 cm;
 - + Vải địa kỹ thuật ngăn cách giữa lớp CPĐĐ và lớp cát K98;
 - + Nền cát đầm chặt K98 dày 50 cm;
- Đoạn từ Km4+240 đến Km4+667; Km5+940 đến Km6+069:

- + Lớp bê tông nhựa BTNC 19, dày 7 cm;
- + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
- + Móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 15 cm;
- + Móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30 cm;
- + Vải địa kỹ thuật ngăn cách giữa lớp CPĐD và lớp cát K98;
- + Nền cát đầm chặt K98 dày 50 cm.

- Đoạn từ Km1+112,85 đến Km3+600 và đoạn từ Km4+667 đến Km5+940:

- + Lớp bê tông nhựa BTNC 19, dày 7 cm;
- + Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²;
- + Móng trên cấp phối đá dăm loại I, dày 15 cm;
- + Móng dưới cấp phối đá dăm loại II, dày 30 cm;
- + Vải địa kỹ thuật ngăn cách giữa lớp CPĐD và lớp cát K98;
- + Nền cát đầm chặt K98, dày 50 cm;
- + Nền bằng cát đầm chặt K95.

8.3.4.2. Đoạn đường trục trung tâm xã Nghĩa Trụ và đoạn từ đường trục trung tâm xã đến Trường tiểu học Tô Hiệu:

- Lớp bê tông xi măng mác 250, dày 24 cm;
- Lớp cát tạo phẳng, dày 3 cm;
- Móng lớp cấp phối đá dăm loại II, dày 18 cm;
- Lớp cát đầm chặt K98, dày 50cm;
- Lớp cát đen đầm chặt K95.

8.3.5. Hệ thống thoát nước.

a) Thoát nước dọc:

- Đoạn từ Km0+011 - Km0+100 (2 bên), đoạn Km0+440 - Km0+486 (trái tuyến): Xây dựng rãnh thoát nước dọc B = 40; thân, đáy rãnh bằng BTCT mác 200, đệm đá dăm 2x4 dày 15cm; tấm đan chịu lực BTCT mác 250;

- Đoạn từ Km220 - Km0+440 (trái tuyến): Nâng cao rãnh cũ bằng BTCT mác 250 bằng cao độ mặt đường; bổ sung tấm đan chịu lực BTCT mác 250.

- Đoạn từ Km1+100,58 - Km1+241,72: Xây dựng cống dọc D1500 bên phải; ống cống BTCT mác 300, đế cống BTCT mác 200, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm; hồ ga bằng BTCT mác 200, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, tấm nắp bằng BTCT mác 250.

- Đoạn từ Km4+435,5 - Km4+660,5: Xây dựng rãnh thoát nước dọc B=40; thân, đáy rãnh bằng BTCT mác 200, đệm đá dăm 2x4 dày 15cm; tấm đan chịu lực BTCT mác 250.

- Đoạn từ Km6+000 - Km 6+068,97 (phải tuyến): Thiết kế cống D600 dưới vỉa hè nổi vào rãnh hiện có phía đường ĐT.379; ống cống BTCT mác 300 đặt trên đế cống BTCT mác 200, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm; hồ ga: Tường, đáy BTCT mác 200, tấm đan BTCT mác 250.

b) Thoát nước ngang tuyến ĐH.17 kéo dài đến ĐT.379:

- Thiết kế cống hộp (2x2)m tại Km1+110,58; Km4+435,5: Thân, tường đầu cống bằng BTCT đúc sẵn mác 300, móng bê tông mác 150 dày 30cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre D6-8cm dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; tường cánh bằng bê tông mác 200 trên móng bê tông mác 150, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

- Thiết kế cống hộp (3x2)m tại Km1+430,51: Thân cống, tường đầu bằng BTCT đổ tại chỗ mác 300 bê tông lót mác 100 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre chiều dài cọc 2,5m, 25 cọc/m²; tường đầu bằng BTCT mác 200, tường cánh kết hợp gia cố mái bằng đá hộc xây vữa XMCV mác 100.

- Thiết kế cống hộp (3x2)m tại Km3+028,63 và Km3+320: Thân cống, tường đầu bằng BTCT đổ tại chỗ mác 300, bê tông lót mác 100 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; tường cánh bằng BTCT mác 200, bê tông lót mác 100 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; sân cống bằng BTXM mác 200 dày 30cm, bê tông lót mác 100 dày 10cm kết hợp dàn van V5 điều tiết thủy lợi.

- Thiết kế cống hộp (3x3)m tại Km5+431,65; Km5+485,05; Km5+624,94: Thân cống, tường đầu bằng BTCT đổ tại chỗ mác 300, bê tông lót mác 100 dày 15cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; tường cánh bằng BTCT mác 200, bê tông lót mác 100 dày 10cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; sân cống bê tông đổ tại chỗ mác 200, dày 30cm, bê tông lót mác 100 dày 10cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m².

- Thiết kế cống hộp 3(3x3)m tại Km4+700: Thân cống, tường đầu bằng BTCT mác 300 đổ tại chỗ, bê tông lót mác 100 dày 15cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, cọc BTCT (35cmx35cm); tường cánh bằng BTCT đổ tại chỗ mác 200, bê tông lót mác 100 dày 10cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; sân cống bê tông đổ tại chỗ mác 200, dày 30cm, bê tông lót mác 100 dày 10cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; kết hợp dàn van V5 điều tiết thủy lợi; thân, móng dàn van bằng BTCT mác 250, bê tông lót mác 100 dày 15cm, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, cọc BTCT (35cmx35cm).

- Thiết kế cống tròn D1000 tại Km1+648; Km2+770; Km3+351,30; Km4+815; Km5+014,24; Km5+120; Km5+157; Km5+293; Km5+343: Ống cống bằng BTCT mác 300, đế cống bằng BTCT mác 200, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; tường đầu, tường cánh bằng bê tông mác 200; gia cố nền bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25 cọc/m²; các cống tại Km1+648; Km2+770; Km3+351,30 thiết kế kết hợp với dàn van V1 điều tiết thủy lợi.

c) Thoát nước ngang trục trung tâm xã:

- Nối dài cống tròn D600 tại Km0+84,28; Km0+98,10; Km0+174,96; Km0+250,86; Km0+379,07; Km0+430,54; Km0+464,31; Km0+778,06; Km0+876,65; Km0+952,65; Km0+962,08; Km1+057,48; Km1+182,11; Km1+329,16; Km1+510,46: Ống cống bằng BTCT mác 300 để cống bằng BTCT mác 200, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, tường đầu xây đá hộc vữa XMCV M100, xây hố ga đầu nối vào cống cũ.

- Nối dài cống hộp 0,6mx0,6m tại Km0+020; cống hộp 1x1m tại Km0+127,35; cống hộp 0,6mx0,8m tại Km0+148,89; cống hộp 0,8mx0,8m tại Km1+706,64: Ống cống bằng BTCT mác 300, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, tường đầu xây đá hộc vữa XMCV M100.

- Thiết kế nối dài cống bản 1,5mx0,95m tại Km0+562,96: Tấm đan và xà mũ BTCT mác 250, thân, móng, tường đầu xây bằng đá hộc vữa XMCV M100, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm.

8.3.6. Thiết kế nút giao, vượt nối đường ngang:

a) Nút giao với ĐH.23 (Km4+667), nút giao với ĐH.24 (Km5+900), nút giao với ĐT.379: Thiết kế giao bằng, bố trí bán kính cong đảm bảo êm thuận. Riêng nút giao với ĐT.379 tổ chức giao thông bằng đèn tín hiệu.

b) Các đường dân sinh và ra đồng được thiết kế vượt nối đảm bảo êm thuận:

- Đối với mặt đường cũ là đường nhựa: Vượt nối bằng lớp BTNC 19 dày 7cm;

- Đối với mặt đường cũ là BTXM, đất: Vượt nối bằng BTXM M250 dày 15cm.

7.3.7. Phần cầu: Xây dựng cầu Như Lân tại Km4+394 và cầu Lại Ốc tại Km5+458 bằng BTCT, dầm bản BTCT DƯL.

a) Kết cấu phần trên:

- Cầu gồm 12 phiến dầm bản bằng BTCT DƯL 40 Mpa dài 12m; chiều cao H dầm = 520cm; mỗi dầm gồm 22 tao cáp DƯL loại 12.7mm;

- Liên kết bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa dày 15cm;

- Lớp phòng nước bằng vật liệu chống thấm Radcon7;

- Lớp BTNC 19 dày 7cm;

- Độ dốc ngang mặt cầu 2 mái $i=2\%$;

- Gói cao su cốt bản thép 150x200x35mm;

- Khe co giãn bằng thép hình dạng sóng;

- Gờ chắn bánh bằng BTCT 30Mpa, lan can bằng thép hình mạ kẽm;

- Ống thoát nước bằng ống nhựa UPVC, D110.

b) Kết cấu phần dưới:

- Mố dạng chữ U bằng BTCT 30Mpa; bệ móng đặt trên hệ cọc BTCT 30Mpa, kích thước 35x35cm, chiều dài cọc dự kiến là 26m.

- Bản dẫn sau mố bằng BTCT 30Mpa dày 25cm, dài 4m, rộng 11m, liên kết với mố bằng chốt thép D32.

- Mái taluy trước mố gia cố bằng đá hộc xây vữa XMCV mác 100 dày 25cm, đệm đá dăm dày 10cm, xử lý nền bằng cọc tre dài 2,5m mật độ 25 cọc/m².

- Gia cố bờ kênh thượng hạ lưu 2 bên bằng đá hộc xây vữa XMCV mác 100 dày 25cm, đệm đá dăm dày 10cm, xử lý nền bằng cọc tre dài 2,5m mật độ 25 cọc/m² (chiều dài gia cố trước, sau mố mỗi bên dài 20m).

8.3.8. An toàn giao thông: Thiết kế hệ thống báo hiệu theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT. Mặt biển báo bằng thép mạ kẽm nhúng nóng dày 2mm, dán màng phản quang Sori 3900, cột biển báo bằng ống thép D90mm dày 2mm sơn trắng đỏ xen kẽ, cột H, cột Km bằng BTXM mác 200, cọc tiêu bằng BTCT mác 200 đá 1x2; đế cọc tiêu, cột H, cột Km, biển báo bằng BTXM mác 150 đá 2x4.

- Gờ giảm tốc dày 6mm; vạch phân làn, dẫn hướng dày 2mm bằng sơn nóng dẻo nhiệt phản quang.

- Thiết kế hệ thống đèn tín hiệu tại nút giao với ĐT.379.

8.3.9. Thiết kế khác:

- Đoạn từ Km1+241,72 - Km3+020: Hoàn trả lại hệ thống mương thủy lợi bên phải tuyến với chiều rộng đáy B = 1,5 m; chiều rộng bờ kênh B = 1,0 m.

- Thiết kế cống qua đường ngang D1000: Ống cống bằng BTCT mác 300, đế cống BTCT mác 200, đệm đá dăm 2x4 dày 10cm, tường đầu, tường cánh xây bằng đá hộc mác vữa M100.

- Giá cố mái taluy bằng đá hộc xây vữa XMCV M100, gia cố nền chân khay bằng cọc tre dài 2,5m, mật độ 25cọc/m².

- Đèn tín hiệu tại nút giao ĐT.379:

+ Cột đèn gồm 04 cột cao 6,2m tay vươn 04m mạ kẽm nhúng nóng và cột 4,4m bằng mạ kẽm nhúng nóng dạng cột côn.

+ Đèn tín hiệu kích thước D300, cường độ sáng 4750 mCd (đèn xanh), 18000 mCd (đèn đỏ); sử dụng nguồn điện 12 VDC; gồm các màu vàng, xanh, đỏ. Vỏ đèn bằng nhựa chống nước và vỏ sắt sơn tĩnh điện bao bên ngoài.

+ Cáp điện, dây điện, dây tiếp địa, cọc tiếp địa theo TCVN.

+ Khung móng cột, đế tủ điện bằng thép được liên kết với cột đèn bằng bulong cường độ cao.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **120.080.179.000 đồng**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	: 95.246.579.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	: 1.613.996.000 đồng
- Chi phí tư vấn	: 4.889.861.000 đồng
- Chi phí khác	: 7.413.362.000 đồng
- Chi phí dự phòng	: 10.916.381.000 đồng

10. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách trung ương (Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng).
- Ngân sách tỉnh.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư quản lý dự án theo quy định.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

Điều 2. Chủ đầu tư và các sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Hưng Yên, Chủ tịch UBND huyện: Văn Giang, Văn Lâm và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./*zt*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thế Cử

Bùi Thế Cử